

BẢN TIN

Về tình hình dịch bệnh và các biện pháp phòng, chống dịch bệnh COVID-19 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc (Tính đến 15h00' ngày 15/01/2022)

I. THÔNG TIN CẬP NHẬT VỀ TÌNH HÌNH DỊCH BỆNH

1. Tại Việt Nam

- Tính đến 14h00' ngày 15/01/2022, ghi nhận 1.991.484 trường hợp dương tính với SARS-CoV-2, trong đó: 1.666.220 điều trị khỏi, 267.460 đang điều trị, 35.344 tử vong (tăng 171 trường hợp).

- Tổng số ca lây nhiễm COVID-19 trong nước tính từ ngày 27/4/2021 đến nay có 1.962.881 trường hợp (**tăng 16.0260 trường hợp**).

- Tổng hợp đánh giá cấp độ dịch tại các địa phương theo Nghị quyết số 128/NQ-CP ngày 11/10/2021 của Chính phủ và Quyết định số 4800/QĐ-BYT ngày 12/10/2021 của Bộ Y tế: <https://capdodich.yte.gov.vn/map>.

2. Tại tỉnh Vĩnh Phúc

2.1. Tổng số ca mắc COVID-19: 5.668 ca (tăng 278), trong đó:

+ Ghi nhận tại tỉnh: **5.655 ca**, tăng **278 ca** (17 khu cách ly; 201 cộng đồng; 60 cách ly tại nhà) (*Chi tiết tại Phụ lục 1 đính kèm*).

+ Nhập cảnh cách ly y tế tại tỉnh: **13 trường hợp**.

2.2. Tình hình điều trị: 2.036 bệnh nhân (*Chi tiết tại Phụ lục 2 đính kèm*). Số bệnh nhân đã được điều trị khỏi: 3.625 bệnh nhân (tăng 99). Số bệnh nhân tử vong: 07 bệnh nhân.

3. Tổng số trường hợp đã được giám sát y tế: lũy tích 69.151 người.

- Số F1 đang cách ly: 5.263 người (cách ly tập trung: 420); lũy tích: 27.677 người (tăng 699).

- Số trở về từ các vùng có dịch của các tỉnh/thành phố khác từ ngày 22/6/2021 đến nay: 34.893 trường hợp (tăng 61) tại các tỉnh/thành phố: TPHCM (5.339), Hà Nội (13.882), Đồng Nai (444), Bình Dương (579), Phú Thọ (9.164) và các vùng có dịch khác (5.482). Số trường hợp đã lấy mẫu xét nghiệm 62.602 (dương tính: 450, âm tính: 62.128, chờ kết quả: 24).

- Đang cách ly y tế tập trung: 2.472 trường hợp.

- Đang cách ly y tế tại nhà: 3.971 trường hợp.

4. Tình hình xét nghiệm sàng lọc SARS-CoV-2 trên địa bàn tỉnh (từ ngày 30/4/2021 đến nay):

4.1. Tổng số mẫu được lấy xét nghiệm trong ngày: 13.883 mẫu (39 Realtime - PCR; 13.844 Test nhanh).

4.2. Tổng số mẫu xét nghiệm SARS-CoV-2 toàn tỉnh: **1.832.612** mẫu (5.390 dương tính; 56 nghi ngờ; 1.827.154 âm tính; 12 chờ kết quả), trong đó:

- *Nhóm 1:* Đối tượng đối tượng xét nghiệm theo quy định Bộ Y tế (F0, F1, bệnh nhân có triệu chứng sốt, ho, triệu chứng cúm,...). Trong ngày: 5.075 mẫu, lũy tích: **720.601** mẫu.

- *Nhóm 2:* Đối tượng xét nghiệm theo Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 16/5/2021 của HĐND tỉnh: **92.845** mẫu.

- *Nhóm 3:* Đối tượng xét nghiệm tự nguyện: **1.030.744** mẫu, trong ngày:

+ Xét nghiệm tại các doanh nghiệp: 0 mẫu, lũy tích: 431.940 mẫu.

+ Xét nghiệm cho người dân: 5.571 mẫu, lũy tích: 592.312 mẫu.

5. Kế hoạch triển khai tiêm vắc xin phòng COVID-19:

Tổng số vắc xin đã được nhận: **1.859.820** liều.

5.1. Kết quả tiêm vắc xin phòng COVID-19 cho người từ 18 tuổi trở lên

- Tổng dân số từ 18 tuổi trở lên: 789.896 người (tính đến tháng 12/2021).

- Tổng số người đã được tiêm: 776.731 người (đạt **98,3%** dân số trên 18 tuổi).

- Tổng số mũi đã được tiêm: **1.679.639** mũi (Mũi 1: 777.068; Mũi 2: 766.940, đạt 97,1% dân số trên 18 tuổi; Mũi 3 + Mũi bổ sung: 135.631, đạt 17,2% dân số trên 18 tuổi).

- Kết quả tiêm đợt 10: số tiêm trong ngày: **24.106** người; lũy tích: **1.248.775** mũi, đạt 98,4%.

5.2. Kết quả tiêm vắc xin phòng COVID-19 cho người từ 12-17 tuổi

- Tổng số người từ 12-17 tuổi: 113.795 người (tính đến tháng 11/2021).

- Tổng số người đã được tiêm: 107.771 người (**đạt 94,7 %** dân số từ 12-17 tuổi)

- Tổng số mũi đã được tiêm: **197.085** người (Mũi 1: 107.771 người; Mũi 2: 88.982 người, đạt 78,2% trẻ từ 12-17 tuổi).

- Số tiêm trong ngày: **1.014** người

6. Khoanh vùng, cách ly xã hội: 0 địa điểm.

II. CÔNG TÁC ĐẢM BẢO

1. Các bệnh viện điều trị COVID-19:

1.1. Bệnh viện tuyến tỉnh: sẵn sàng bảo đảm điều trị cho các bệnh nhân mắc COVID-19, dự kiến: 544 người.

1.2. Bệnh viện tuyến huyện: sẵn sàng các cơ sở điều trị cho các bệnh nhân mắc COVID-19 tại 9 huyện/thành phố với quy mô 50 giường/huyện (tổng 450 giường).

2. Các khu cách ly tập trung:

2.1. Thực trạng vận hành các cơ sở cách ly hiện có: tổng số cơ sở đang có các trường hợp thực hiện cách ly: 32 cơ sở.

2.2. Phương án nâng cấp/bổ sung thêm các cơ sở cách ly mới: sẵn sàng các địa điểm cách ly y tế tập trung trên địa bàn tỉnh dự kiến có thể tiếp nhận 20.000 công dân.

3. Công tác đảm bảo an ninh trật tự trên địa bàn tỉnh:

3.1. Công tác quản lý xuất nhập cảnh, hoạt động của người nước ngoài:

Trong ngày, có 42 người nước ngoài (Hàn Quốc 35, Nhật Bản 01, Thái Lan 02, Mỹ 01, quốc tịch khác 03) đến khai báo tạm trú trên địa bàn tỉnh với các mục đích: 03 làm việc 03, 37 cách ly, 02 du lịch. Hiện, toàn tỉnh có tổng số 2.980 người nước ngoài cư trú, hoạt động, cách ly tại 290 cơ quan, doanh nghiệp, trường học.

3.2. Công tác kiểm tra, xử lý vi phạm liên quan đến phòng, chống dịch:

Lực lượng Công an kiểm tra công tác phòng, chống dịch tại 04 cơ sở kinh doanh, lưu trú, 02 cơ sở tôn giáo; chưa phát hiện cơ sở vi phạm.

Ra quyết định xử phạt 02 trường hợp số tiền 2.000.000đ về hành vi không đeo khẩu trang nơi công cộng (Yên Lạc).

Lũy kế từ ngày 01/5/2021 đến nay, lực lượng Công an Vĩnh Phúc ra quyết định xử phạt hoặc đề nghị xử phạt 4.069 trường hợp số tiền 8.603.800.000 đồng.

4. Các Tổ phòng, chống COVID cộng đồng: tổng số 1.370 tổ, với 11.186 thành viên tham gia.

III. CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG, CHỐNG DỊCH ĐÃ VÀ ĐANG TRIỂN KHAI

Trước tình hình dịch bệnh COVID-19 trên cả nước tiếp tục diễn biến rất phức tạp, hàng ngày số ca mắc có xu hướng tăng nhanh. Đặc biệt, thành phố Hà Nội trung bình gần 3.000 ca mắc mỗi ngày, các tỉnh giáp với Hà Nội như Hưng Yên, Bắc Ninh trung bình gần 400 ca mắc mỗi ngày,.. Hàng ngày, dòng người di chuyển từ thành phố Hà Nội về Vĩnh Phúc với số lượng lớn, dẫn tới nguy cơ cao dịch bệnh tiếp tục xâm nhập vào các cơ sở sản xuất kinh doanh (CSSXKD) trên địa bàn tỉnh, chỉ tính từ ngày 01/01 đến ngày 12/01/2022 toàn tỉnh đã ghi nhận gần 170 ca dương tính với SARS-CoV-2 có liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp với người trở về từ Hà Nội.

Để thực hiện tốt việc bảo vệ sức khỏe cho nhân dân trên địa bàn, đồng thời bảo đảm thuận lợi cho các cơ quan, đơn vị trong quá trình tổ chức thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch COVID-19 đối với người được phép nhập cảnh vào Việt Nam làm việc ngắn ngày (dưới 14 ngày); Ban Chỉ đạo phòng, chống dịch bệnh COVID-19 ban hành (i) (i) Văn bản số 309/CV-BCĐ ngày 13/01/2022 V/v tiếp tục tăng cường thực hiện các biện pháp ***cấp bách, tạm thời*** để phòng, chống dịch bệnh COVID-19 tại các cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh; (ii) Văn bản số 207/CV-BCĐ ngày 10/01/2022 hướng dẫn công tác phòng, chống dịch bệnh COVID-19 đối với người được phép nhập cảnh vào Việt Nam làm việc ngắn ngày (dưới 14 ngày) trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc và (iii) Văn bản số 229/CV-BCĐ ngày 11/01/2022 chỉ đạo tăng cường thực hiện đợt cao điểm phòng, chống dịch bệnh COVID-19 trước, trong và sau Tết Nguyên đán Nhâm Dần năm 2022. Cụ thể:

1. Tại Văn bản số 309/CV-BCĐ ngày 13/01/2022 (*gửi kèm theo TCBC này*), Ban Chỉ đạo phòng, chống dịch bệnh COVID-19 tỉnh yêu cầu Công an tỉnh, Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Công thương, UBND các huyện, thành phố thực hiện một số nội dung sau:

1.1. Chỉ đạo, kiểm tra, giám sát và yêu cầu các CSSXKD thuộc thẩm quyền quản lý tự thực hiện việc đánh giá nguy cơ lây nhiễm (NCLN) tối thiểu 1 tuần/lần để áp dụng các biện pháp phòng, chống dịch bệnh COVID-19. Tuân thủ thực hiện xét nghiệm luân phiên mẫu gộp cho từ **05-20% người lao động/1 tuần (5% tương ứng với NCLN thấp, 10% tương ứng với NCLN trung bình, 15% tương ứng với NCLN cao, 20%**

tương ứng với NCLN rất cao) và khuyến khích hàng ngày **tạm thời** thực hiện xét nghiệm sàng lọc mẫu gộp cho 100% người lao động ngoại tỉnh thuộc các tỉnh, thành phố đang có số ca mắc cao như thành phố Hà Nội, tỉnh Bắc Ninh,... trước khi vào làm việc tại CSSXKD để đảm bảo an toàn trong hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Yêu cầu tuân thủ tối đa việc thực hiện giãn cách trong cơ sở sản xuất, kinh doanh; đối với CSSXKD có tổ chức ăn cho NLĐ cần phải chia thành nhiều phòng ăn nhỏ, có vách ngăn tại các bàn ăn, chia nhỏ số lượng người ăn trong một ca, đồng thời không sử dụng điều hòa và đảm bảo lưu thông không khí theo một chiều trong khu vực nhà ăn, nơi sinh hoạt chung.

1.2. Khuyến khích các CSSXKD thực hiện xét nghiệm Test nhanh kháng nguyên cho 100% người lao động sau khi kết thúc đợt nghỉ Lễ, Tết, để đảm bảo 100% người lao động có kết quả âm tính với SARS-CoV-2 mới được vào làm việc, để đảm bảo an toàn, hiệu quả, tiết kiệm tránh nguy cơ dịch bệnh xâm nhập và lây lan dịch bệnh trong CSSXKD.

1.3. Yêu cầu chủ CSSXKD kiểm tra, giám sát, chỉ đạo Ban Chỉ đạo phòng, chống dịch COVID-19, Tổ an toàn covid của doanh nghiệp thực hiện nghiêm việc kiểm soát người lao động trong đơn vị mình, đặc biệt thực hiện triệt để việc khai báo y tế để thực hiện xét nghiệm và áp dụng các biện pháp phòng, chống dịch phù hợp.

1.4. Trường hợp xét nghiệm tầm soát định kỳ cho kết quả dương tính với SARS-CoV-2, yêu cầu CSSXKD thực hiện cách ly y tế tạm thời trường hợp dương tính theo quy định, đồng thời báo cáo ngay với Cơ quan quản lý trực tiếp, chính quyền địa phương nơi CSSXKD đóng trên địa bàn để thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch bệnh COVID-19 theo quy định.

1.5. Tuân thủ các biện pháp phòng, chống dịch khác theo quy định của Ban Chỉ đạo Quốc gia, Bộ Y tế, UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo phòng, chống dịch bệnh COVID-19 tỉnh, Sở Y tế.

*** Văn bản cũng Áp dụng với các biện pháp phòng, chống dịch bệnh COVID-19 tại cơ sở sản xuất, kinh doanh khi có ca nhiễm COVID-19**

- Kích hoạt ngay các phương án phòng, chống dịch khi có trường hợp mắc COVID-19 đã được xây dựng theo quy định.

+ Quyết định phong tỏa tạm thời toàn bộ CSSXKD hoặc từng phân xưởng/dây chuyền sản xuất/tổ sản xuất/khu vực sản xuất/vị trí làm việc có trường hợp mắc bệnh (F0) đến khi thực hiện bóc tách được F0 ra khỏi CSSXKD để chăm sóc, điều trị và cách ly các trường hợp liên quan theo quy định và tình hình thực tế dịch bệnh tại CSSXKD.

+ Cách ly các trường hợp F0 tại chỗ tại CSSXKD, KCN và thông báo ngay cho cơ quan y tế để chuyển cách ly, điều trị và thực hiện khoanh vùng, khử khuẩn theo quy định.

+ Thông báo cho toàn thể người lao động (NLĐ) đang có mặt tại CSSXKD; yêu cầu NLĐ nghiêm túc khai báo y tế, thực hiện 5K, phân xưởng nào ở yên phân xưởng đó; không để xảy ra hoang mang, lo lắng với NLĐ.

+ Lập danh sách NLĐ là F1, các trường hợp khác không có mặt tại CSSXKD gửi Trung tâm Y tế cấp huyện/Ban Chỉ đạo cấp xã nơi NLĐ đang lưu trú, cơ quan

quản lý trực tiếp để xử trí theo quy định, đồng thời phối hợp với cơ quan y tế thông báo cho các đối tượng này ở yên tại nhà/nơi lưu trú, khai báo y tế và thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch theo yêu cầu của cơ quan y tế.

+ Đảm bảo 100% người lao động tại CSSXKD trước khi vào làm việc phải không nhiễm COVID-19. Yêu cầu người lao động thực hiện nghiêm nguyên tắc **“1 cung đường, 2 điểm đến”** đến khi bóc tách được hết F0 ra khỏi CSSXKD, báo cáo với Tổ Covid cộng đồng, Tổ liên gia tự quản, chính quyền địa phương nơi cư trú về nơi làm việc của mình.

- Thực hiện xét nghiệm SARS-CoV-2 bằng Test nhanh kháng nguyên (mẫu gộp) cho 100% NLĐ trong CSSXKD để nhanh chóng bóc tách người nhiễm COVID-19 ra khỏi CSSXKD để được chăm sóc, điều trị. Trên cơ sở kết quả xét nghiệm SARS-CoV-2 sẽ quyết định các biện pháp phòng, chống dịch COVID-19 một cách phù hợp theo hướng dẫn chuyên môn của cơ quan y tế.

- Trường hợp CSSXKD tiếp tục được phép hoạt động, thì nên cần tổ chức xét nghiệm Test nhanh kháng nguyên (*mẫu gộp*) trước khi vào làm việc cho 100% NLĐ của CSSXKD liên tiếp trong 07 ngày đầu, tiếp tục xét nghiệm 07 ngày tiếp theo vào ngày thứ 03, thứ 07; đảm bảo 100% NLĐ khi vào làm việc cần có kết quả xét nghiệm âm tính với SARS-CoV-2 nhằm không để dịch bệnh lây lan, bùng phát trong CSSXKD (***khi dịch bệnh lây lan, bùng phát trong CSSXKD có thể sẽ bị đóng cửa hoạt động để thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch bệnh COVID-19 theo quy định sẽ gây ra thiệt hại lớn về kinh tế cho CSSXKD***).

- Kết thúc 14 ngày thực hiện xét nghiệm SARS-CoV-2, CSSXKD căn cứ diễn biến tình hình dịch COVID-19 để triển khai thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch COVID-19 theo quy định; đồng thời tuân thủ thực hiện xét nghiệm sàng lọc SARS-CoV-2 bằng Test nhanh kháng nguyên mẫu gộp định kỳ từ 05-20% NLĐ/1 tuần theo quy định.

2. Tại Văn bản số 229/CV-BCĐ ngày 11/01/2022 (*gửi kèm theo TCBC này*), Ban Chỉ đạo phòng, chống dịch bệnh COVID-19 tỉnh đề nghị Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh và yêu cầu Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, UBND các huyện, thành phố khẩn trương thực hiện quyết liệt một số nội dung sau:

2.1. Yêu cầu cán bộ công chức, viên chức, người lao động không đi ra ngoài tỉnh và đến khu vực có nguy cơ cao khi không thực sự cần thiết. Trường hợp do nhu cầu phải di chuyển, yêu cầu thực hiện nghiêm 5K, đồng thời trước khi trở về tỉnh phải thực hiện xét nghiệm SARS-CoV-2 cho kết quả âm tính mới được vào cơ quan làm việc và trở về với gia đình.

2.2. Đối với người đến/về Vĩnh Phúc từ khu vực nguy cơ cao, các tỉnh, thành phố khác, đặc biệt là thành phố Hà Nội:

- Khi đến liên hệ công tác, làm việc, giao dịch cần thực hiện xét nghiệm SARS-CoV-2 bằng Test nhanh kháng nguyên cho kết quả âm tính trước khi vào đơn vị, doanh nghiệp để đảm bảo sức khỏe cho bản thân, đồng nghiệp và đối tác.

Các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp luôn chuẩn bị sẵn cơ sở kit test thử nhanh tại cơ quan để tạo điều kiện tối đa cho khách phải kiểm tra, đảm bảo an toàn trước khi vào làm việc.

- Yêu cầu người dân liên hệ với UBND cấp xã nơi cư trú để khai báo y tế và ***vận động người dân tự thực hiện xét nghiệm SARS-CoV-2 bằng Test nhanh kháng nguyên, cho kết quả âm tính trước trở về để đảm bảo sức khỏe cho bản thân, gia đình, hàng xóm và cộng đồng.*** Các trường hợp không tuân thủ thực hiện, nếu để lây lan dịch bệnh ra cộng đồng phải chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Chủ tịch UBND cấp huyện hướng dẫn, quy định các điểm xét nghiệm công cộng tại từng địa phương (xã, phường, thị trấn).

2.3. Nghiêm cấm tổ chức ăn uống, hội họp, gặp mặt, liên hoan cuối năm, tổ chức mừng thọ, mừng xuân đông người dịp trước, trong và sau Tết Nguyên đán Nhâm Dần năm 2022. Yêu cầu UBND cấp xã, Tổ Covid cộng đồng, Tổ liên gia tự quản giám sát việc thực hiện theo quy định. Kiên quyết xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm. Đảm bảo làng giữ làng, xã giữ xã, huyện giữ huyện, cơ quan giữ cơ quan, doanh nghiệp giữ doanh nghiệp... để thực hiện phòng, chống dịch bệnh COVID-19 và bảo vệ sức khỏe cho nhân dân.

2.4. Tham gia tiêm chủng vắc xin phòng COVID-19 đủ số mũi khi có thông báo. Trường hợp chưa được tiêm chủng vắc xin phòng COVID-19 yêu cầu liên hệ và đăng ký với UBND/Ban Chỉ đạo phòng, chống dịch COVID-19 nơi lưu trú để được hướng dẫn và tổ chức tiêm theo quy định.

2.5. Yêu cầu toàn thể người dân trên địa bàn tỉnh tăng cường giám sát, thông tin tố giác các tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định về phòng, chống dịch bệnh COVID-19 để bảo vệ sức khỏe cho bản thân, gia đình, hàng xóm và cộng đồng.

2.6. Mọi vướng mắc liên hệ với Trung tâm chỉ huy tỉnh và Trung tâm chỉ huy các huyện, thành phố, cụ thể:

| STT | Trung tâm chỉ huy tỉnh và các huyện, thành phố | Số điện thoại đường dây nóng Trung tâm chỉ huy phòng, chống dịch COVID-19 |
|-------------|--|---|
| | TỈNH VĨNH PHÚC | 02113.858.858/ 0854325858 |
| I | THÀNH PHỐ VĨNH YÊN | 0858.513.365 |
| II | THÀNH PHỐ PHÚC YÊN | 02113.520.678/ 0911.221.718 |
| III | HUYỆN LẬP THẠCH | 02113 666 021/ 0332 441.633 |
| IV | HUYỆN TAM DƯƠNG | 02113.895.429/ 0857.310.978 |
| V | HUYỆN TAM ĐẢO | 02113.686.369/ 0877205138 |
| VI. | HUYỆN BÌNH XUYỀN | 02113.503.688/ 0886.016.120 |
| VII. | HUYỆN YÊN LẠC | 02113.836.002/ 0379.969.778 |
| VIII | HUYỆN VĨNH TƯỜNG | 02116.283.686/ 0982.623.466 |
| IX. | HUYỆN SÔNG LÔ | 02113.666.000/ 0966759989 |

3. Tại Văn bản số 207/CV-BCĐ ngày 10/01/2022 (gửi kèm theo TCBC này), Ban Chỉ đạo phòng, chống dịch bệnh COVID-19 tỉnh quy định, hướng dẫn cụ thể về mục đích; đối tượng áp dụng; nguyên tắc áp dụng; các yêu cầu phòng, chống dịch COVID-19 cụ thể (1) đối với người nhập cảnh không phải mục đích ngoại giao công

vụ; và (2) đối với người nhập cảnh với mục đích ngoại giao, công vụ. Đồng thời, phân công nhiệm vụ, trách nhiệm cụ thể cho các sở, ngành, địa phương; cơ quan, tổ chức mời/đề xuất người nhập cảnh; trách nhiệm của người nhập cảnh ngăn ngừa; trách nhiệm của người tiếp xúc gần với người nhập cảnh ngăn ngừa trong thời gian lưu trú tại Việt Nam; trách nhiệm của đơn vị quản lý địa điểm họp, ký kết, nơi làm việc, địa điểm thực địa./.

Nơi nhận:

- TTTU, TT HỘND, UBND tỉnh;
- Thành viên BCĐ PCD COVID-19 tỉnh; (B/c);
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể;
- Huyện ủy, UBND các huyện, thành phố; (Đề P/h chỉ đạo);
- Báo VP, Đài PTTH, Cổng TTGTĐT tỉnh;
- Các cơ quan, đơn vị có trang thông tin điện tử; (Đề tuyên truyền);
- Phòng VH&TT; TT VH&TT các huyện, thành phố;
- UBND các xã, phường, thị trấn;
- GD, các PGD;
- Lưu: VT, TTBCXB.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Đỗ Hữu Vinh

Phụ lục 1:
DANH SÁCH CÁC TRƯỜNG HỢP GHI NHẬN MẮC COVID-19 TRONG NGÀY
(Ban hành kèm theo Bản tin ngày 15/01/2022 của Sở Thông tin và Truyền thông)

| STT | Họ và tên | Năm sinh | Giới | Địa chỉ thường trú/lưu trú | | | Phân loại ca bệnh |
|-----|--------------|----------|------|----------------------------|------------|-----------|-------------------|
| | | | | Xã/Phường | Huyện/TP | Tỉnh | |
| 1 | N.T.HUYỀN | 1981 | Nữ | Hướng Đạo | Tam Dương | Vĩnh Phúc | Cộng đồng |
| 2 | B.T.PHƯƠNG | 1982 | Nữ | Kim Long | Tam Dương | Vĩnh Phúc | Cộng đồng |
| 3 | P.T.HOÀI | 1983 | Nữ | Cao Minh | Phúc Yên | Vĩnh Phúc | Cộng đồng |
| 4 | H.T.TRANG | 1984 | Nữ | Tiền Châu | Phúc Yên | Vĩnh Phúc | Cộng đồng |
| 5 | N.H.ĐĂNG | 1985 | Nữ | Nam Viêm | Phúc Yên | Vĩnh Phúc | Cộng đồng |
| 6 | C.N.CHUNG | 1986 | Nữ | Ngọc Thanh | Phúc Yên | Vĩnh Phúc | Cộng đồng |
| 7 | T.T.Á.TUYẾT | 1987 | Nữ | Ngô Quyền | Vĩnh Yên | Vĩnh Phúc | Cộng đồng |
| 8 | T.Q.TUẤN | 1988 | Nữ | Ngô Quyền | Vĩnh Yên | Vĩnh Phúc | Cộng đồng |
| 9 | N.N.ANH | 1989 | Nữ | Đông Tâm | Vĩnh Yên | Vĩnh Phúc | Cộng đồng |
| 10 | K.V.BẰNG | 1990 | Nữ | Đông Tâm | Vĩnh Yên | Vĩnh Phúc | Cách ly tại nhà |
| 11 | H.T.T.TÂM | 1991 | Nữ | Định Trung | Vĩnh Yên | Vĩnh Phúc | Khu cách ly |
| 12 | N.V.TÍNH | 1992 | Nữ | Đổng Đa | Vĩnh Yên | Vĩnh Phúc | Cộng đồng |
| 13 | N.N.TIẾN | 1993 | Nữ | Khai Quang | Vĩnh Yên | Vĩnh Phúc | Cộng đồng |
| 14 | N.T.LÂM | 1994 | Nữ | Khai Quang | Vĩnh Yên | Vĩnh Phúc | Cộng đồng |
| 15 | Đ.T.DŨNG | 1995 | Nữ | Khai Quang | Vĩnh Yên | Vĩnh Phúc | Cách ly tại nhà |
| 16 | P.V.THẮNG | 1996 | Nữ | Hội Hợp | Vĩnh Yên | Vĩnh Phúc | Cộng đồng |
| 17 | N.T.TUẤN | 1997 | Nữ | Liên Bảo | Vĩnh Yên | Vĩnh Phúc | Cộng đồng |
| 18 | N.T.MẠNH | 1998 | Nữ | Hội Hợp | Vĩnh Yên | Vĩnh Phúc | Cộng đồng |
| 19 | Đ.N.G.HUY | 1999 | Nữ | Đổng Đa | Vĩnh Yên | Vĩnh Phúc | Cách ly tại nhà |
| 20 | T.T.H.PHƯƠNG | 2000 | Nữ | Khai Quang | Vĩnh Yên | Vĩnh Phúc | Cộng đồng |
| 21 | N.T.CHÂM | 2001 | Nữ | Đổng Đa | Vĩnh Yên | Vĩnh Phúc | Cộng đồng |
| 22 | Đ.T.X.THỦY | 2002 | Nữ | TT. Bá Hiến | Bình Xuyên | Vĩnh Phúc | Cộng đồng |
| 23 | N.V.THỤ | 1999 | | Đức Bác | Sông Lô | Vĩnh Phúc | Cộng đồng |
| 24 | B.T.NGỌC | 1997 | Nữ | Thiện Kế | Bình Xuyên | Vĩnh Phúc | Cộng đồng |
| 25 | L.V.THÂN | 1993 | Nam | Thiện Kế | Bình Xuyên | Vĩnh Phúc | Cộng đồng |
| 26 | N.T.THẨM | 1983 | Nữ | Liên Hòa | Lập Thạch | Vĩnh Phúc | Cộng đồng |
| 27 | N.T.N.HƯƠNG | 2001 | Nữ | Thiện Kế | Bình Xuyên | Vĩnh Phúc | Cộng đồng |
| 28 | L.T.LAN | 1995 | Nữ | Thiện Kế | Bình Xuyên | Vĩnh Phúc | Cộng đồng |
| 29 | Đ.V.NHI | 2001 | Nam | Thiện Kế | Bình Xuyên | Vĩnh Phúc | Cộng đồng |
| 30 | T.V.ĐẠI | 1990 | Nam | Thiện Kế | Bình Xuyên | Vĩnh Phúc | Cộng đồng |
| 31 | T.V.BẢO | 1977 | Nam | TT. Bá Hiến | Bình Xuyên | Vĩnh Phúc | Cộng đồng |
| 32 | Đ.C.NAM | 1979 | Nam | Thiện Kế | Bình Xuyên | Vĩnh Phúc | Cộng đồng |
| 33 | N.T.DUNG | 1982 | Nữ | Thiện Kế | Bình Xuyên | Vĩnh Phúc | Cộng đồng |
| 34 | N.V.TIẾN | 1996 | Nữ | Thiện Kế | Bình Xuyên | Vĩnh Phúc | Cộng đồng |
| 35 | L.T.TÙNG | 2001 | Nam | Thiện Kế | Bình Xuyên | Vĩnh Phúc | Cộng đồng |
| 36 | N.T.THÚY | 1985 | Nữ | TT. Hoa Sơn | Lập Thạch | Vĩnh Phúc | Cộng đồng |
| 37 | N.T.THỦY | 1977 | Nữ | TT. Bá Hiến | Bình Xuyên | Vĩnh Phúc | Cộng đồng |

| STT | Họ và tên | Năm sinh | Giới | Địa chỉ thường trú/lưu trú | | | Phân loại ca bệnh |
|-----|-------------|----------|------|----------------------------|------------|-----------|-------------------|
| | | | | Xã/Phường | Huyện/TP | Tỉnh | |
| 38 | Đ.T.TUYẾT | 1993 | Nữ | Thiện ké | Bình Xuyên | Vĩnh Phúc | Cộng đồng |
| 39 | D.T.PHẨM | 1997 | Nữ | Thiện Ké | Bình Xuyên | Vĩnh Phúc | Cộng đồng |
| 40 | L.T.TÙNG | 1997 | Nam | Thiện Ké | Bình Xuyên | Vĩnh Phúc | Cộng đồng |
| 41 | N.V.AN | 1972 | Nam | Hương Sơn | Bình Xuyên | Vĩnh Phúc | Cộng đồng |
| 42 | M.T.ƯỚC | 1981 | Nữ | TT. Bá Hiến | Bình Xuyên | Vĩnh Phúc | Cộng đồng |
| 43 | H.V.TÚ | 1998 | Nam | TT. Bá Hiến | Bình Xuyên | Vĩnh Phúc | Cộng đồng |
| 44 | P.V.HUÂN | 2001 | Nam | TT. Đạo Đức | Bình Xuyên | Vĩnh Phúc | Cách ly tại nhà |
| 45 | Đ.T.M.CHI | 2002 | Nữ | Trung Mỹ | Bình Xuyên | Vĩnh Phúc | Cộng đồng |
| 46 | L.T.HOÀNG | 2003 | Nữ | Thiện Ké | Bình Xuyên | Vĩnh Phúc | Cộng đồng |
| 47 | Q.T.MAY | 2000 | Nữ | TT. Bá Hiến | Bình Xuyên | Vĩnh Phúc | Cộng đồng |
| 48 | Đ.T.H.THẢO | 1987 | Nữ | TT. Bá Hiến | Bình Xuyên | Vĩnh Phúc | Cộng đồng |
| 49 | L.T.KIM | 1991 | Nữ | TT. Bá Hiến | Bình Xuyên | Vĩnh Phúc | Cộng đồng |
| 50 | C.V.KHẢI | 1998 | Nam | TT. Bá Hiến | Bình Xuyên | Vĩnh Phúc | Cộng đồng |
| 51 | H.T.TOAN | 1990 | Nữ | Sơn Lôi | Bình Xuyên | Vĩnh Phúc | Cộng đồng |
| 52 | D.T.B.LOAN | 1970 | Nữ | TT. Hương Canh | Bình Xuyên | Vĩnh Phúc | Cách ly tại nhà |
| 53 | N.T.HƯỜNG | 1998 | Nữ | TT. Thanh Lãng | Bình Xuyên | Vĩnh Phúc | Cách ly tại nhà |
| 54 | N.T.HOÀ | 1949 | Nam | TT. Thanh Lãng | Bình Xuyên | Vĩnh Phúc | Cách ly tại nhà |
| 55 | Đ.B.THANH | 2012 | Nữ | Đồng Tâm | Vĩnh Yên | Vĩnh Phúc | Cộng đồng |
| 56 | T.N.MINH | 2012 | Nam | Đồng Tâm | Vĩnh Yên | Vĩnh Phúc | Cộng đồng |
| 57 | P.T.YẾN | 1961 | Nam | Vân Hội | Tam Dương | Vĩnh Phúc | Cộng đồng |
| 58 | V.V.PHÁT | 1989 | Nam | Vân Hội | Tam Dương | Vĩnh Phúc | Cộng đồng |
| 59 | P.T.ANH | 1978 | Nữ | Đồng Tĩnh | Tam Dương | Vĩnh Phúc | Khu cách ly |
| 60 | Đ.V.QUỲNH | 1985 | Nam | Liên Bảo | Vĩnh Yên | Vĩnh Phúc | Cộng đồng |
| 61 | N.T.HẰNG | 1988 | Nữ | Đồng Tâm | Vĩnh Yên | Vĩnh Phúc | Cộng đồng |
| 62 | N.M.CƯỜNG | 1996 | Nam | Khai Quang | Vĩnh Yên | Vĩnh Phúc | Cộng đồng |
| 63 | V.V.THỨC | 1983 | Nam | Khai Quang | Vĩnh Yên | Vĩnh Phúc | Cộng đồng |
| 64 | T.T.T.HƯƠNG | 1982 | Nữ | Liên Bảo | Vĩnh Yên | Vĩnh Phúc | Cách ly tại nhà |
| 65 | Đ.T.HIỀN | 1979 | Nữ | Cao Phong | Sông Lô | Vĩnh Phúc | Khu cách ly |
| 66 | L.X.TRƯỜNG | 1996 | Nam | Đức Bác | Sông Lô | Vĩnh Phúc | Khu cách ly |
| 67 | B.T.GIANG | 1992 | Nữ | Phương Khoan | Sông Lô | Vĩnh Phúc | Cách ly tại nhà |
| 68 | Đ.Q.HỘI | 1985 | Nam | Quang Yên | Sông Lô | Vĩnh Phúc | Cộng đồng |
| 69 | N.T.H.GIANG | 2016 | Nữ | Tân Lập | Sông Lô | Vĩnh Phúc | Cách ly tại nhà |
| 70 | V.V.HUY | 2003 | Nam | Tân Lập | Sông Lô | Vĩnh Phúc | Cách ly tại nhà |
| 71 | K.Đ.ĐẠI | 1997 | Nam | An Tường | Vĩnh Tường | Vĩnh Phúc | Cộng đồng |
| 72 | K.V.NGÀ | 1984 | Nam | An Tường | Vĩnh Tường | Vĩnh Phúc | Cộng đồng |
| 73 | K.Đ.HÒA | 1982 | Nam | An Tường | Vĩnh Tường | Vĩnh Phúc | Cộng đồng |
| 74 | K.Đ.CHÍNH | 1970 | Nam | An Tường | Vĩnh Tường | Vĩnh Phúc | Cộng đồng |
| 75 | K.Q.QUY | 1984 | Nam | An Tường | Vĩnh Tường | Vĩnh Phúc | Cộng đồng |
| 76 | K.Đ.TOÁN | 1964 | Nam | An Tường | Vĩnh Tường | Vĩnh Phúc | Cộng đồng |
| 77 | K.Q.SỸ | 1997 | Nam | An Tường | Vĩnh Tường | Vĩnh Phúc | Cộng đồng |
| 78 | K.T.ĐỀ | 1963 | Nữ | An Tường | Vĩnh Tường | Vĩnh Phúc | Cộng đồng |

| STT | Họ và tên | Năm sinh | Giới | Địa chỉ thường trú/lưu trú | | | Phân loại ca bệnh |
|-----|-------------|----------|------|----------------------------|------------|-----------|-------------------|
| | | | | Xã/Phường | Huyện/TP | Tỉnh | |
| 79 | K.Đ.VIỄN | 1961 | Nam | An Tường | Vĩnh Tường | Vĩnh Phúc | Cộng đồng |
| 80 | K.A.ĐỨC | 2017 | Nam | An Tường | Vĩnh Tường | Vĩnh Phúc | Cộng đồng |
| 81 | K.Đ.ĐẠT | 1957 | Nam | An Tường | Vĩnh Tường | Vĩnh Phúc | Cộng đồng |
| 82 | N.N.HUYỀN | 1993 | Nữ | An Tường | Vĩnh Tường | Vĩnh Phúc | Cộng đồng |
| 83 | P.V.VĂN | 1987 | Nam | Nghĩa Hưng | Vĩnh Tường | Vĩnh Phúc | Cách ly tại nhà |
| 84 | V.V.HIẾU | 1997 | Nam | TT. Vĩnh Tường | Vĩnh Tường | Vĩnh Phúc | Cộng đồng |
| 85 | N.T.CHIẾN | 1947 | Nữ | Phú Đa | Vĩnh Tường | Vĩnh Phúc | Cách ly tại nhà |
| 86 | N.T.HẢI | 1982 | Nữ | Vĩnh Thịnh | Vĩnh Tường | Vĩnh Phúc | Cộng đồng |
| 87 | T.T.H.ĐIỆP | 2019 | Nữ | Vĩnh Thịnh | Vĩnh Tường | Vĩnh Phúc | Cộng đồng |
| 88 | N.V.MINH | 1965 | Nam | Vĩnh Thịnh | Vĩnh Tường | Vĩnh Phúc | Cách ly tại nhà |
| 89 | K.T.HUỆ | 1977 | Nữ | Tân Phú | Vĩnh Tường | Vĩnh Phúc | Khu cách ly |
| 90 | V.T.B.THỦY | 1985 | Nữ | Vĩnh Thịnh | Vĩnh Tường | Vĩnh Phúc | Khu cách ly |
| 91 | P.T.SINH | 1978 | Nữ | Tân Tiến | Vĩnh Tường | Vĩnh Phúc | Cách ly tại nhà |
| 92 | N.T.T.HUỠNG | 1997 | nữ | Lũng Hòa | Vĩnh Tường | Vĩnh Phúc | Cách ly tại nhà |
| 93 | L.H.HÙNG | 2012 | nam | Cao Đại | Vĩnh Tường | Vĩnh Phúc | Cách ly tại nhà |
| 94 | B.A.TRÀ | 2012 | nữ | Cao Đại | Vĩnh Tường | Vĩnh Phúc | Cách ly tại nhà |
| 95 | T.M.HIẾU | 2012 | nam | Cao Đại | Vĩnh Tường | Vĩnh Phúc | Cách ly tại nhà |
| 96 | N.B.YẾN | 2012 | nữ | Cao Đại | Vĩnh Tường | Vĩnh Phúc | Cách ly tại nhà |
| 97 | P.T.DƯƠNG | 2014 | nam | Cao Đại | Vĩnh Tường | Vĩnh Phúc | Cách ly tại nhà |
| 98 | T.Q.HUY | 2012 | nam | Cao Đại | Vĩnh Tường | Vĩnh Phúc | Cách ly tại nhà |
| 99 | N.T.LONG | 2000 | Nam | TT. Thổ Tang | Vĩnh Tường | Vĩnh Phúc | Cộng đồng |
| 100 | N.T.PHIN | 1949 | Nữ | TT. Thổ Tang | Vĩnh Tường | Vĩnh Phúc | Cộng đồng |
| 101 | L.G.KHÁNH | 2012 | Nam | TT. Thổ Tang | Vĩnh Tường | Vĩnh Phúc | Cộng đồng |
| 102 | L.T.MY | 2016 | Nữ | TT. Thổ Tang | Vĩnh Tường | Vĩnh Phúc | Cộng đồng |
| 103 | T.H.DƯƠNG | 2021 | Nam | Liên Châu | Yên Lạc | Vĩnh Phúc | Cách ly tại nhà |
| 104 | C.T.P.THẢO | 1988 | Nữ | Nguyệt Đức | Yên Lạc | Vĩnh Phúc | Cộng đồng |
| 105 | V.Q.TIẾN | 1986 | Nam | Đồng Cương | Yên Lạc | Vĩnh Phúc | Cộng đồng |
| 106 | P.T.HÒA | 1988 | Nữ | Yên Phương | Yên Lạc | Vĩnh Phúc | Cộng đồng |
| 107 | N.T.KHOA | 1962 | Nữ | Yên Phương | Yên Lạc | Vĩnh Phúc | Cách ly tại nhà |
| 108 | Đ.T.HÙNG | 1990 | Nữ | Trung Hà | Yên Lạc | Vĩnh Phúc | Cách ly tại nhà |
| 109 | N.T.THÚY | 1976 | Nữ | Trung Hà | Yên Lạc | Vĩnh Phúc | Cách ly tại nhà |
| 110 | N.T.GÁI | 1949 | Nữ | Trung Hà | Yên Lạc | Vĩnh Phúc | Cách ly tại nhà |
| 111 | T.V.SANG | 1950 | Nam | Trung Hà | Yên Lạc | Vĩnh Phúc | Cách ly tại nhà |
| 112 | T.T.LÝ | 1987 | Nữ | Bình Định | Yên Lạc | Vĩnh Phúc | Khu cách ly |
| 113 | N.V.TÀI | 1992 | Nam | Đông Văn | Yên Lạc | Vĩnh Phúc | Khu cách ly |
| 114 | N.V.HIỀN | 1990 | Nam | Đông Văn | Yên Lạc | Vĩnh Phúc | Khu cách ly |
| 115 | N.V.LÂM | 1991 | Nam | Đông Văn | Yên Lạc | Vĩnh Phúc | Khu cách ly |
| 116 | N.V.LANH | 1986 | Nam | Đông Văn | Yên Lạc | Vĩnh Phúc | Khu cách ly |
| 117 | N.V.LUÂN | 1988 | Nam | Đông Văn | Yên Lạc | Vĩnh Phúc | Khu cách ly |
| 118 | P.H.ĐĂNG | 2017 | Nam | Nghĩa Hưng | Vĩnh Tường | Vĩnh Phúc | Khu cách ly |
| 119 | T.T.TIẾN | 2014 | Nữ | Vĩnh Thịnh | Vĩnh Tường | Vĩnh Phúc | Khu cách ly |

| STT | Họ và tên | Năm sinh | Giới | Địa chỉ thường trú/lưu trú | | | Phân loại ca bệnh |
|-----|------------|----------|------|----------------------------|------------|-----------|-------------------|
| | | | | Xã/Phường | Huyện/TP | Tỉnh | |
| 120 | K.V.ĐÀN | 1963 | Nam | An Tường | Vĩnh Tường | Vĩnh Phúc | Cộng đồng |
| 121 | K.T.QUÂN | 1970 | Nữ | An Tường | Vĩnh Tường | Vĩnh Phúc | Cộng đồng |
| 122 | K.Q.MUỘN | 1971 | Nam | An Tường | Vĩnh Tường | Vĩnh Phúc | Cộng đồng |
| 123 | K.Đ.DỮNG | 1974 | Nam | An Tường | Vĩnh Tường | Vĩnh Phúc | Cộng đồng |
| 124 | V.T.TỈNH | 1977 | Nữ | An Tường | Vĩnh Tường | Vĩnh Phúc | Cộng đồng |
| 125 | K.A.TÚ | 2004 | Nam | An Tường | Vĩnh Tường | Vĩnh Phúc | Cộng đồng |
| 126 | P.T.HUỆ | 1985 | Nữ | An Tường | Vĩnh Tường | Vĩnh Phúc | Cộng đồng |
| 127 | K.T.BÍCH | 1968 | Nữ | An Tường | Vĩnh Tường | Vĩnh Phúc | Cộng đồng |
| 128 | T.V.DƯƠNG | 1976 | Nam | An Tường | Vĩnh Tường | Vĩnh Phúc | Cộng đồng |
| 129 | K.Đ.NGỘI | 1972 | Nam | An Tường | Vĩnh Tường | Vĩnh Phúc | Cộng đồng |
| 130 | T.C.TRƯỚC | 1988 | Nam | Yên bình | Vĩnh Tường | Vĩnh Phúc | Khu cách ly |
| 131 | D.T.ĐÀO | 1962 | nữ | Lũng Hòa | Vĩnh Tường | Vĩnh Phúc | Cộng đồng |
| 132 | N.V.TƯỜNG | 1977 | Nam | Vĩnh Thịnh | Vĩnh Tường | Vĩnh Phúc | Cộng đồng |
| 133 | N.V.ĐÌNH | 1986 | Nam | Tân Phú | Vĩnh Tường | Vĩnh Phúc | Khu cách ly |
| 134 | Đ.K.LINH | 2020 | Nữ | Tứ Trung | Vĩnh Tường | Vĩnh Phúc | Cách ly tại nhà |
| 135 | D.T.THẮT | 1969 | Nam | Hương Sơn | Bình xuyên | Vĩnh Phúc | Cộng đồng |
| 136 | N.T.HẰNG | 1996 | Nữ | Đạo Đức | Bình xuyên | Vĩnh Phúc | Cộng đồng |
| 137 | N.T.HOC | 1996 | Nam | Thiện Kế | Bình xuyên | Vĩnh Phúc | Cộng đồng |
| 138 | Đ.P.ĐĂNG | 2012 | Nam | Tân phong | Bình xuyên | Vĩnh Phúc | Cộng đồng |
| 139 | H.T.SỬA | 2001 | Nữ | TT. Bá Hiến | Bình xuyên | Vĩnh Phúc | Cách ly tại nhà |
| 140 | D.V.VIỆT | 1987 | Nam | TT. Bá Hiến | Bình xuyên | Vĩnh Phúc | Cách ly tại nhà |
| 141 | D.T.LONG | 1988 | Nam | Cao Minh | Phúc Yên | Vĩnh Phúc | Cộng đồng |
| 142 | P.T.TÂM | 2000 | Nữ | Cao Minh | Phúc Yên | Vĩnh Phúc | Cộng đồng |
| 143 | D.T.CHI | 1992 | Nữ | Cao Minh | Phúc Yên | Vĩnh Phúc | Cộng đồng |
| 144 | L.V.HÙNG | 1997 | Nam | TT. Bá Hiến | Bình xuyên | Vĩnh Phúc | Cộng đồng |
| 145 | N.Đ.LUÂN | 2002 | Nam | | Bình xuyên | Vĩnh Phúc | Cộng đồng |
| 146 | N.T.NGÂN | 1965 | Nữ | TT. Bá Hiến | Bình xuyên | Vĩnh Phúc | Cộng đồng |
| 147 | Đ.T.THỦY | 1973 | Nữ | Đạo Đức | Bình xuyên | Vĩnh Phúc | Cộng đồng |
| 148 | Đ.T.LỘC | 1968 | Nữ | Xa Cao Minh | Phúc Yên | Vĩnh Phúc | Cộng đồng |
| 149 | Đ.T.THÌ | 1968 | Nữ | Trung Hà | Yên Lạc | Vĩnh Phúc | Cộng đồng |
| 150 | L.T.T.HIỀN | 1977 | Nữ | Văn Tiên | Yên Lạc | Vĩnh Phúc | Cộng đồng |
| 151 | N.M.VIỆT | 1998 | Nam | Yên Phương | Yên Lạc | Vĩnh Phúc | Cộng đồng |
| 152 | N.T.THỦY | 1982 | Nữ | Liễn Sơn | Lập Thạch | Vĩnh Phúc | Cộng đồng |
| 153 | P.T.VÂN | 1983 | Nữ | | Bình xuyên | Vĩnh Phúc | Cộng đồng |
| 154 | P.T.PHƯƠNG | 1985 | Nữ | Trung Mỹ | Bình xuyên | Vĩnh Phúc | Cộng đồng |
| 155 | V.M.HIẾU | 1996 | Nam | Trung Mỹ | Bình xuyên | Vĩnh Phúc | Cộng đồng |
| 156 | L.T.L.YÊN | 1979 | Nữ | Thiện kế | Bình xuyên | Vĩnh Phúc | Cộng đồng |
| 157 | N.B.DỮNG | 2012 | Nam | TT. Thanh Lãng | Bình xuyên | Vĩnh Phúc | Cộng đồng |
| 158 | L.V.DÂN | 1973 | Nam | TT. Thanh Lãng | Bình xuyên | Vĩnh Phúc | Cộng đồng |
| 159 | K.C.CƯƠNG | 2012 | Nam | TT. Thanh Lãng | Bình xuyên | Vĩnh Phúc | Cộng đồng |
| 160 | L.T.TÙNG | 2012 | Nam | TT. Thanh Lãng | Bình xuyên | Vĩnh Phúc | Cộng đồng |

| STT | Họ và tên | Năm sinh | Giới | Địa chỉ thường trú/lưu trú | | | Phân loại ca bệnh |
|-----|-------------|----------|------|----------------------------|------------|-----------|-------------------|
| | | | | Xã/Phường | Huyện/TP | Tỉnh | |
| 161 | Đ.T.VÂN | 1993 | Nữ | Sơn Lôi | Bình xuyên | Vĩnh Phúc | Cộng đồng |
| 162 | N.T.THƯƠNG | 1977 | nữ | Hương Sơn | Bình xuyên | Vĩnh Phúc | Cộng đồng |
| 163 | T.Q.LINH | 2000 | nam | Hương Sơn | Bình xuyên | Vĩnh Phúc | Cộng đồng |
| 164 | P.Q.KIÊN | 2011 | Nam | TT. Thanh Lãng | Bình xuyên | Vĩnh Phúc | Cộng đồng |
| 165 | V.V.NAM | 1975 | nam | Tân Phong | Bình xuyên | Vĩnh Phúc | Cách ly tại nhà |
| 166 | L.M.TUẤN | 1987 | Nam | TT. Gia Khánh | Bình xuyên | Vĩnh Phúc | Cộng đồng |
| 167 | C.T.N.HÀ | 1992 | Nữ | TT. Gia Khánh | Bình xuyên | Vĩnh Phúc | Cộng đồng |
| 168 | N.V.HẠNH | 1983 | Nam | Đạo Đức | Bình xuyên | Vĩnh Phúc | Cách ly tại nhà |
| 169 | N.T.MẶN | 1992 | Nữ | Tam Hợp | Bình xuyên | Vĩnh Phúc | Cộng đồng |
| 170 | N.T.TRANG | 1999 | Nữ | Tam Hợp | Bình xuyên | Vĩnh Phúc | Cộng đồng |
| 171 | N.M.TUẤN | 1993 | Nam | TT. Hương Canh | Bình xuyên | Vĩnh Phúc | Cách ly tại nhà |
| 172 | V.T.THÀNH | 2016 | nam | Tân Phong | Bình xuyên | Vĩnh Phúc | Cách ly tại nhà |
| 173 | T.T.NGA | 1992 | Nữ | TT. Bá Hiến | Bình xuyên | Vĩnh Phúc | Cộng đồng |
| 174 | T.V.CHUÂN | 1987 | Nam | TT. Bá Hiến | Bình xuyên | Vĩnh Phúc | Cộng đồng |
| 175 | L.T.NHƯ | 1985 | Nữ | | Bình xuyên | Vĩnh Phúc | Cộng đồng |
| 176 | D.T.QUYÊN | 2001 | Nữ | TT. Bá Hiến | Bình xuyên | Vĩnh Phúc | Cộng đồng |
| 177 | N.P.LONG | 2012 | Nam | TT. Thanh Lãng | Bình xuyên | Vĩnh Phúc | Cộng đồng |
| 178 | T.Q.BẢO | 1978 | Nam | TT. Hương Canh | Bình xuyên | Vĩnh Phúc | Cộng đồng |
| 179 | N.T.YẾN | 2001 | Nữ | TT. Hương Canh | Bình xuyên | Vĩnh Phúc | Cộng đồng |
| 180 | N.N.TIẾN | 1996 | Nam | TT. Hương Canh | Bình xuyên | Vĩnh Phúc | Cộng đồng |
| 181 | T.V.HÀ | 1976 | Nam | TT. Hương Canh | Bình xuyên | Vĩnh Phúc | Cộng đồng |
| 182 | H.T.M.HƯƠNG | 1994 | Nữ | Thiện ké | Bình xuyên | Vĩnh Phúc | Cộng đồng |
| 183 | N.T.ĐÀO | 1991 | Nữ | Hương Sơn | Bình xuyên | Vĩnh Phúc | Cộng đồng |
| 184 | V.T.THÙY | 1983 | Nữ | Hướng Đạo | Tam Dương | Vĩnh Phúc | Cộng đồng |
| 185 | Đ.M.DŨNG | 1998 | Nam | Thiện ké | Bình xuyên | Vĩnh Phúc | Cộng đồng |
| 186 | Đ.T.HƯỜNG | 1987 | Nữ | Xuân Hòa | Phúc Yên | Vĩnh Phúc | Cộng đồng |
| 187 | N.Q.HOÀN | 2000 | Nam | Thiện ké | Bình xuyên | Vĩnh Phúc | Cộng đồng |
| 188 | N.K.LUÂN | 1998 | Nam | Thiện ké | Bình xuyên | Vĩnh Phúc | Cộng đồng |
| 189 | M.T.XUÂN | 1994 | Nam | Thiện ké | Bình xuyên | Vĩnh Phúc | Cộng đồng |
| 190 | K.Đ.THẮNG | 1990 | Nam | TT. Gia Khánh | Bình xuyên | Vĩnh Phúc | Cộng đồng |
| 191 | P.V.DUY | 1996 | Nam | Đạo Tú | Tam Dương | Vĩnh Phúc | Cộng đồng |
| 192 | T.T.TUYẾT | 1997 | Nữ | Thiện ké | Bình xuyên | Vĩnh Phúc | Cộng đồng |
| 193 | B.T.TUẤN | 1996 | Nam | | Bình xuyên | Vĩnh Phúc | Cộng đồng |
| 194 | D.T.LIỄU | 1976 | Nữ | Trung Mỹ | Bình xuyên | Vĩnh Phúc | Cộng đồng |
| 195 | Đ.Q.DUY | 2000 | Nam | Đạo Đức | Bình xuyên | Vĩnh Phúc | Cộng đồng |
| 196 | T.V.CHÁU | 1990 | Nam | TT. Bá Hiến | Bình xuyên | Vĩnh Phúc | Cộng đồng |
| 197 | P.T.CHUNG | 1999 | Nam | TT. Hương Canh | Bình xuyên | Vĩnh Phúc | Cộng đồng |
| 198 | N.A.THẮNG | 2003 | Nam | | Bình xuyên | Vĩnh Phúc | Cộng đồng |
| 199 | H.V.GIANG | 1994 | Nam | | Bình xuyên | Vĩnh Phúc | Cộng đồng |
| 200 | N.D.PHƯỚC | 1997 | Nam | Tam Hợp | Bình xuyên | Vĩnh Phúc | Cộng đồng |
| 201 | M.T.THÙY | 2000 | Nữ | Đông Tâm | Vĩnh yên | Vĩnh Phúc | Cộng đồng |

| STT | Họ và tên | Năm sinh | Giới | Địa chỉ thường trú/lưu trú | | | Phân loại ca bệnh |
|-----|--------------|----------|------|----------------------------|------------|-----------|-------------------|
| | | | | Xã/Phường | Huyện/TP | Tỉnh | |
| 202 | L.V.TUYỀN | 1999 | Nam | | Bình xuyên | Vĩnh Phúc | Cộng đồng |
| 203 | C.T.VÂN | 1998 | Nữ | Bồ Lý | Tam Đảo | Vĩnh Phúc | Cộng đồng |
| 204 | V.V.KY | 1992 | Nam | | Bình xuyên | Vĩnh Phúc | Cộng đồng |
| 205 | N.V.TUẤN | 1999 | Nam | | Bình xuyên | Vĩnh Phúc | Cộng đồng |
| 206 | T.M.TUẤN | 1993 | Nam | | Bình xuyên | Vĩnh Phúc | Cộng đồng |
| 207 | T.M.ĐỨC | 2010 | Nam | Tử Du | Lập Thạch | Vĩnh Phúc | Cách ly tại nhà |
| 208 | K.V.HOAN | 1992 | Nam | Quang Sơn | Lập Thạch | Vĩnh Phúc | Cộng đồng |
| 209 | N.T.CHÌNH | 1955 | Nữ | Vân Trục | Lập Thạch | Vĩnh Phúc | Cách ly tại nhà |
| 210 | V.T.HƯƠNG | 1992 | Nữ | TT. Lập Thạch | Lập Thạch | Vĩnh Phúc | Cộng đồng |
| 211 | T.H.MẠNH | 1984 | Nam | Đình Chu | Lập Thạch | Vĩnh Phúc | Cộng đồng |
| 212 | C.M.TIỆP | 2021 | Nam | Tam Hồng | Yên Lạc | Vĩnh Phúc | Cách ly tại nhà |
| 213 | N.T.M.NGUYỄN | 1991 | Nữ | Tam Hồng | Yên Lạc | Vĩnh Phúc | Cách ly tại nhà |
| 214 | C.G.HÙNG | 2018 | Nam | Tam Hồng | Yên Lạc | Vĩnh Phúc | Cách ly tại nhà |
| 215 | L.T.LINH | 1995 | Nữ | TT. Yên Lạc | Yên Lạc | Vĩnh Phúc | Cách ly tại nhà |
| 216 | N.T.T.HẰNG | 2013 | Nữ | Trung Kiên | Yên Lạc | Vĩnh Phúc | Cách ly tại nhà |
| 217 | N.V.CHỨC | 1964 | Nam | Trung Kiên | Yên Lạc | Vĩnh Phúc | Cách ly tại nhà |
| 218 | D.T.HƯƠNG | 1992 | Nữ | Bình Định | Yên Lạc | Vĩnh Phúc | Cách ly tại nhà |
| 219 | N.T.HƯƠNG | 1979 | Nữ | Bình Định | Yên Lạc | Vĩnh Phúc | Cộng đồng |
| 220 | N.V.QUỲNH | 1995 | Nam | TT. Yên Lạc | Yên Lạc | Vĩnh Phúc | Cộng đồng |
| 221 | N.T.LIÊN | 1992 | Nữ | Tê Lỗ | Yên Lạc | Vĩnh Phúc | Cộng đồng |
| 222 | P.T.H.LỢI | 2015 | Nữ | Yên Phương | Yên Lạc | Vĩnh Phúc | Cách ly tại nhà |
| 223 | Đ.T.HƯỜNG | 1972 | Nữ | Yên Phương | Yên Lạc | Vĩnh Phúc | Cách ly tại nhà |
| 224 | C.V.HOÀN | 2000 | Nam | Hồng Châu | Yên Lạc | Vĩnh Phúc | Cộng đồng |
| 225 | S.T.HIỀN | 1995 | Nữ | TT. Hợp Châu | Tam Đảo | Vĩnh Phúc | Cộng đồng |
| 226 | L.V.SƠN | 1998 | Nam | TT. Hợp Châu | Tam Đảo | Vĩnh Phúc | Cộng đồng |
| 227 | T.V.QUANG | 1994 | Nam | TT. Hợp Châu | Tam Đảo | Vĩnh Phúc | Cộng đồng |
| 228 | N.V.THÀNH | 1992 | Nam | Tam Quan | Tam Đảo | Vĩnh Phúc | Cách ly tại nhà |
| 229 | N.T.NGA | 1993 | Nữ | Minh Quang | Tam Đảo | Vĩnh Phúc | Cộng đồng |
| 230 | L.V.CHƯƠNG | 1985 | Nam | Minh Quang | Tam Đảo | Vĩnh Phúc | Cộng đồng |
| 231 | D.T.HÀ | 1994 | Nam | Minh Quang | Tam Đảo | Vĩnh Phúc | Cách ly tại nhà |
| 232 | L.V.TÁM | 1983 | Nam | Hội Hợp | Vĩnh Yên | Vĩnh Phúc | Cộng đồng |
| 233 | N.V.BẰNG | 1993 | Nam | Hội Hợp | Vĩnh Yên | Vĩnh Phúc | Cách ly tại nhà |
| 234 | N.T.LIÊN | 2002 | Nữ | Khai Quang | Vĩnh Yên | Vĩnh Phúc | Cộng đồng |
| 235 | T.L.VÂN | 1979 | Nữ | Đổng Đa | Vĩnh Yên | Vĩnh Phúc | Cộng đồng |
| 236 | N.Đ.H.TRÀ | 2019 | Nữ | Đông Xuân | Phúc Yên | Vĩnh Phúc | Cách ly tại nhà |
| 237 | N.D.TOÀN | 1994 | Nam | Cao Minh | Phúc Yên | Vĩnh Phúc | Cộng đồng |
| 238 | N.T.HUYỀN | 2001 | Nữ | Phúc Thắng | Phúc Yên | Vĩnh Phúc | Cách ly tại nhà |
| 239 | G.A.LÔNG | 2003 | Nam | Nam Viêm | Phúc Yên | Vĩnh Phúc | Khu cách ly |
| 240 | T.T.H.YẾN | 1990 | Nữ | Xuân Hòa | Phúc Yên | Vĩnh Phúc | Cộng đồng |
| 241 | T.T.HIỀN | 1996 | Nữ | Xuân Hòa | Phúc Yên | Vĩnh Phúc | Cộng đồng |
| 242 | N.Q.NHI | 2021 | Nữ | Xuân Hòa | Phúc Yên | Vĩnh Phúc | Cộng đồng |

| STT | Họ và tên | Năm sinh | Giới | Địa chỉ thường trú/lưu trú | | | Phân loại ca bệnh |
|-----|--------------|----------|------|----------------------------|-----------|-----------|-------------------|
| | | | | Xã/Phường | Huyện/TP | Tỉnh | |
| 243 | N.V.NAM | | Nam | Xuân Hòa | Phúc Yên | Vĩnh Phúc | Cộng đồng |
| 244 | N.G.BẢO | 2017 | Nam | Xuân Hòa | Phúc Yên | Vĩnh Phúc | Cộng đồng |
| 245 | N.T.HOÀ | 1995 | Nữ | Hùng Vương | Phúc Yên | Vĩnh Phúc | Cách ly tại nhà |
| 246 | N.V.TÚ | 1997 | Nam | Tiền Châu | Phúc Yên | Vĩnh Phúc | Cộng đồng |
| 247 | N.T.TÂM | 2006 | Nữ | Tiền Châu | Phúc Yên | Vĩnh Phúc | Cộng đồng |
| 248 | L.G.HUY | 1999 | Nam | Liên Bảo | Vĩnh Yên | Vĩnh Phúc | Cộng đồng |
| 249 | Đ.P.HẢI | 2000 | Nam | Liên Bảo | Vĩnh Yên | Vĩnh Phúc | Cộng đồng |
| 250 | N.T.HƯỜNG | 2002 | Nữ | Liên Bảo | Vĩnh Yên | Vĩnh Phúc | Cộng đồng |
| 251 | Đ.T.H.VI | 2012 | Nữ | Liên Bảo | Vĩnh Yên | Vĩnh Phúc | Cộng đồng |
| 252 | N.T.L.PHƯƠNG | 1989 | Nữ | Liên Bảo | Vĩnh Yên | Vĩnh Phúc | Cộng đồng |
| 253 | L.G.KHÁNH | 2000 | Nam | Liên Bảo | Vĩnh Yên | Vĩnh Phúc | Cộng đồng |
| 254 | T.H.TRANG | 2000 | Nữ | Liên Bảo | Vĩnh Yên | Vĩnh Phúc | Cộng đồng |
| 255 | H.T.SƠN | 1982 | Nữ | Hội Hợp | Vĩnh Yên | Vĩnh Phúc | Cộng đồng |
| 256 | Đ.T.THỦY | 1971 | Nữ | Ngô Quyền | Vĩnh Yên | Vĩnh Phúc | Cộng đồng |
| 257 | B.T.HIỀN | 1971 | Nữ | Ngô Quyền | Vĩnh Yên | Vĩnh Phúc | Cộng đồng |
| 258 | L.K.PHỤNG | 1970 | Nữ | Đông Tâm | Vĩnh Yên | Vĩnh Phúc | Cộng đồng |
| 259 | P.K.TUYẾT | 1953 | Nữ | Ngô Quyền | Vĩnh Yên | Vĩnh Phúc | Cộng đồng |
| 260 | N.T.HẰNG | 1966 | Nữ | Tích Sơn | Vĩnh Yên | Vĩnh Phúc | Cộng đồng |
| 261 | N.N.QUỲNH | 2010 | Nữ | Đông Tâm | Vĩnh Yên | Vĩnh Phúc | Cộng đồng |
| 262 | P.T.TÚ | 1972 | Nữ | Đông Đa | Vĩnh Yên | Vĩnh Phúc | Cộng đồng |
| 263 | N.V.QUYẾT | 1988 | Nam | Liên bảo | Vĩnh Yên | Vĩnh Phúc | Cộng đồng |
| 264 | Đ.N.B.AN | 2011 | Nữ | Ngô Quyền | Vĩnh Yên | Vĩnh Phúc | Cộng đồng |
| 265 | Đ.M.ÁNH | 2015 | Nữ | Ngô Quyền | Vĩnh Yên | Vĩnh Phúc | Cộng đồng |
| 266 | N.V.THIỆU | 1997 | Nam | Hướng Đạo | Tam Dương | Vĩnh Phúc | Cộng đồng |
| 267 | N.T.HƯƠNG | 1995 | Nữ | Hướng Đạo | Tam Dương | Vĩnh Phúc | Cộng đồng |
| 268 | P.Y.NHI | 2015 | Nữ | Hướng Đạo | Tam Dương | Vĩnh Phúc | Cộng đồng |
| 269 | L.V.SƠN | 1998 | Nam | Đông Tĩnh | Tam Dương | Vĩnh Phúc | Cộng đồng |
| 270 | N.V.NGUYỄN | 1989 | Nam | Đông Tĩnh | Tam Dương | Vĩnh Phúc | Cách ly tại nhà |
| 271 | V.T.TÂM | 1986 | Nữ | Hoàng Hoa | Tam Dương | Vĩnh Phúc | Cách ly tại nhà |
| 272 | Đ.V.THÀNH | 1995 | Nam | Duy Tiên | Tam Dương | Vĩnh Phúc | Cách ly tại nhà |
| 273 | N.H.NHI | 2000 | Nữ | TT. Hợp Hòa | Tam Dương | Vĩnh Phúc | Cách ly tại nhà |
| 274 | Đ.T.MÙI | 1961 | Nữ | Vân Hội | Tam Dương | Vĩnh Phúc | Cách ly tại nhà |
| 275 | Đ.T.QUỲNH | 1994 | Nữ | Kim Long | Tam Dương | Vĩnh Phúc | Cách ly tại nhà |
| 276 | Đ.X.THÔNG | 1990 | Nữ | Hoàng Hoa | Tam Dương | Vĩnh Phúc | Cách ly tại nhà |
| 277 | V.V.TIẾP | 1979 | Nam | Tam Quan | Tam Đảo | Vĩnh Phúc | Cộng đồng |
| 278 | N.T.HÀ | 1978 | Nam | Tam Quan | Tam Đảo | Vĩnh Phúc | Cách ly tại nhà |

Phụ lục 2:
TÌNH HÌNH CÁC CƠ SỞ ĐIỀU TRỊ BỆNH NHÂN COVID-19
(Ban hành kèm theo Bản tin ngày 15/01/2022 của Sở Thông tin và Truyền thông)

| STT | Cơ sở điều trị COVID-19 | Cũ | Vào | Ra | Hiện có |
|----------------|--|--------------|------------|------------|----------------|
| 1 | BVDC số 1 | 51 | 28 | 0 | 79 |
| 2 | BVDC số 2 | 79 | 1 | 3 | 77 |
| 3 | Tam Dương (Cơ sở 1) | 33 | 6 | 0 | 39 |
| 4 | Tam Dương (Cơ sở 2) | 377 | 75 | 0 | 452 |
| 5 | Yên Lạc (Cơ sở 1) | 48 | 0 | 0 | 48 |
| 6 | Yên Lạc (Cơ sở 2) | 86 | 0 | 4 | 82 |
| 7 | Bình Xuyên (Cơ sở 1) | 28 | 0 | 4 | 24 |
| 8 | Bình Xuyên (Cơ sở 2) | 233 | 0 | 32 | 201 |
| 9 | Tam Đảo (Cơ sở 1) | 27 | 0 | 10 | 17 |
| 10 | Tam Đảo (Cơ sở 2) | 44 | 0 | 8 | 36 |
| 11 | Vĩnh Tường (Cơ sở 1) | 56 | 6 | 5 | 57 |
| 12 | Vĩnh Tường (Cơ sở 2) | 76 | 9 | 7 | 78 |
| 13 | Vĩnh Tường (Cơ sở 3) | 43 | 0 | 0 | 43 |
| 14 | Phúc Yên (Cơ sở 1) | 70 | 7 | 0 | 77 |
| 15 | Phúc Yên (Cơ sở 2) | 64 | 9 | 5 | 68 |
| 16 | Vĩnh Yên | 68 | 0 | 10 | 58 |
| 17 | Lập Thạch (Cơ sở 1) | 130 | 27 | 10 | 147 |
| 18 | Lập Thạch (Cơ sở 2) | 128 | 9 | 7 | 130 |
| 19 | Sông Lô (Cơ sở 1) | 56 | 6 | 14 | 48 |
| 20 | Sông Lô (Cơ sở 1) | 115 | 4 | 0 | 119 |
| 21 | Bệnh viện Trung ương | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 22 | Bệnh viện Nhiệt đới TƯ | 9 | 0 | 0 | 9 |
| 23 | Đang cách ly tạm thời tại các cơ sở cách ly y tế | 36 | 278 | 167 | 147 |
| Tổng số | | 1.857 | 465 | 286 | 2.036 |

